

Số: 10/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 28 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 86/TTr-STC ngày 29 tháng 01 năm 2016 về việc điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định trên đường bộ khi ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách:

a) Đối với các loại xe ghế ngồi:

Đơn vị tính: đồng/chuyến

Số TT	Loại xe	Xe hoạt động trên tuyến từ 150km trở xuống (Đã bao gồm thuế VAT)			Xe hoạt động trên tuyến trên 150 km (Đã bao gồm thuế VAT)		
		Bến loại I+II	Bến loại III+IV	Bến loại V+VI	Bến loại I+II	Bến loại III+IV	Bến loại V+VI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Xe từ 04-07 ghế						13.000
2	Xe từ 10-12 ghế	38.000	34.000	33.000	42.000	38.000	36.000
3	Xe từ 13-16 ghế	50.000	45.000	43.000	56.000	50.000	48.000
4	Xe từ 17-25 ghế	72.000	66.000	62.000	81.000	73.000	69.000
5	Xe từ 26-30 ghế	97.000	87.000	83.000	107.000	97.000	93.000
6	Xe từ 31-35 ghế	114.000	103.000	98.000	127.000	115.000	109.000
7	Xe từ 36-40 ghế	131.000	119.000	113.000	146.000	132.000	126.000
8	Xe từ 41-45 ghế	148.000	134.000	128.000	165.000	149.000	142.000
9	Xe từ 46 ghế trở lên	159.000	144.000	137.000	176.000	160.000	152.000

b) Đối với các loại xe giường nằm:

Đơn vị tính: đồng/chuyến

Số TT	Loại xe	Xe hoạt động trên tuyến trên 150 km (đã bao gồm thuế VAT)		
		Bến loại I+II	Bến loại III+IV	Bến loại V+VI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xe từ 36 - 40 ghế	160.000	142.000	138.000
2	Xe từ 41-45 ghế	181.000	161.000	156.000
3	Xe từ 46 ghế trở lên	194.000	172.000	167.000

2. Điều kiện áp dụng:

a) Số ghế thu dựa trên số ghế ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

b) Loại bến xe ô tô khách áp dụng theo quy định của Quy chuẩn quốc gia đang có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các đơn vị khai thác, kinh doanh bến xe ô tô thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách theo Quyết định này;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các bến xe ô tô khách, đơn vị vận tải theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật;

c) Tổ chức việc xếp loại và công bố các bến xe ô tô khách theo quy định của Quy chuẩn quốc gia đang có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh An Giang; đồng thời, bãi bỏ Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô của bến xe Long Xuyên (bến tạm).

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị khai thác, kinh doanh bến xe ô tô khách và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: HCTC, P. TH.

Vương Bình Thạnh